

# BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG THÁNG 04 NĂM 2025



Tài khoản tiền gửi :

1. Đơn vị sử dụng ngân sách : **TRƯỜNG THCS PHÚ AN**

2. Mã đơn vị: **1108982**.

3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng : **5503201007236**

## I. Nội dung thanh toán

STT	HỌ VÀ TÊN	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ					GHI CHÚ	
			LƯƠNG VÀ PHỤ CẤP THEO LƯƠNG	TIỀN CÔNG LAO ĐỘNG THEO HỢP ĐỒNG	TIỀN PHỤ CẤP VÀ TRỢ CẤP KHÁC (30% không đứng lớp, NGƯT, thạc sĩ, TV, BV-PV, TH KT, TV theo NQ 22/2024/NQ-HĐND	TIỀN KHOẢN (CÔNG TÁC PHÍ, ĐIỆN THOẠI, BTCB)	TIỀN HỌC BỔNG (TRUY NÂNG BẠC LƯƠNG, HƯỞNG DẪN TẬP SỰ, truy lĩnh 12.5% theo NQ22/2024/NQHĐND )		KHÁC (TẶNG THU NHẬP QUÝ I)
	<b>Tổng số</b>	<b>1.087.177.043</b>	<b>874.000.081</b>	<b>53.835.324</b>	<b>22.770.730</b>	<b>9.000.000</b>	<b>29.470.908</b>	<b>98.100.000</b>	
<b>I</b>	<b>Đối với công chức, viên chức</b>	<b>1.014.641.719</b>	<b>874.000.081</b>	<b>-</b>	<b>19.970.730</b>	<b>7.500.000</b>	<b>29.470.908</b>	<b>83.700.000</b>	
1	Nguyễn Anh Việt	26.451.746	14.231.606		7.420.140	2.100.000		2.700.000	
2	Nguyễn Thanh Hiền	24.183.627	17.130.327		5.253.300	900.000		900.000	
3	Huỳnh Thị Thanh Tâm	19.959.716	14.319.776		3.839.940	900.000		900.000	
4	Đoàn Thu Thủy	19.255.802	18.355.802					900.000	
5	Lê Kim Hương	16.142.975	15.242.975					900.000	
6	Đỗ Thị Hiền	18.919.039	18.019.039					900.000	
7	Thân Thị Minh Trang	17.339.011	16.439.011					900.000	
8	Huỳnh Thị Hồng Hoa	24.924.425	17.220.425				6.804.000	900.000	
9	Trịnh Thị Mỹ Linh	24.867.754	17.163.754				6.804.000	900.000	
10	Đỗ Thị Ngọc Thu	16.535.028	15.635.028					900.000	
11	Đặng Thị Ngọc Bảo	17.955.478	17.055.478					900.000	
12	Hồ Thị Bích Ngọc	19.368.057	18.468.057					900.000	
13	Vương Thị Ánh Nguyệt	17.565.773	16.665.773					900.000	
14	Nguyễn Thị Thanh Hiền	13.797.902	12.897.902					900.000	
15	Võ Văn Thanh	18.120.425	17.220.425					900.000	
16	Nguyễn Thị Nga	16.631.532	15.731.532					900.000	

STT	HỌ VÀ TÊN	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ					KHÁC (TĂNG THU NHẬP QUÝ I)	GHI CHÚ
			LƯƠNG VÀ PHỤ CẤP THEO LƯƠNG	TIỀN CÔNG LAO ĐỘNG THEO HỢP ĐỒNG	TIỀN PHỤ CẤP VÀ TRỢ CẤP KHÁC (30% không đứng lớp, NGƯT, thạc sĩ, TV, BV-PV, TH KT, TV theo NQ 22/2024/NQ-HĐND	TIỀN KHOẢN (CÔNG TÁC PHÍ, ĐIỆN THOẠI, BTCB)	TIỀN HỌC BỔNG (TRUY NÂNG BẬC LƯƠNG, HƯỞNG DẪN TẬP SỰ, truy lãnh 12.5% theo NQ22/2024/NQHĐN D )		
17	Hoàng Ngọc Hữu	16.142.975	15.242.975					900.000	
18	Đinh Thị Ngọc Quý	25.788.636	9.700.236		1.322.100	2.100.000	3.966.300	8.700.000	
19	Đặng Thị Hồng Nhung	14.490.224	13.590.224					900.000	
20	Huỳnh Ngọc Nữ	15.053.966	14.153.966					900.000	
21	Hồ Thị Hồng Vân	13.875.908	12.975.908					900.000	
22	Nguyễn Minh Lụa	13.875.908	12.975.908					900.000	
23	Nguyễn Thị Thúy	13.875.908	12.975.908					900.000	
24	Trần Thị Phương Oanh	13.258.008	12.358.008					900.000	
25	Trần Như Thúy	16.142.975	15.242.975					900.000	
26	Nguyễn Thị Hà	14.897.013	13.997.013					900.000	
27	Nguyễn Thị Thu Hồng	16.240.989	15.340.989					900.000	
28	Trịnh Thị Mỹ Dương	15.848.936	14.948.936					900.000	
29	Ngô Thị Hoài Ngân	12.176.682	11.276.682					900.000	
30	Lê Thị Thanh Trà	15.336.048	7.036.848		1.450.800		2.948.400	3.900.000	
31	Ngô Thị Ngọc Linh	12.176.682	11.276.682					900.000	
32	Nguyễn Thành Đông	15.496.826	14.596.826					900.000	
33	Phan Công Sơn	10.007.362	9.107.362					900.000	
34	Võ Thị Thu Trang	3.237.660	2.337.660					900.000	
35	Phan Thị Nguyên	12.922.920	12.022.920					900.000	
36	Phạm Đình Vương	13.373.780	12.473.780					900.000	
37	Lê Quang Nhân	14.581.117	13.681.117					900.000	
38	Nguyễn Thị Hồng Thúy	16.142.975	15.242.975					900.000	
39	Nguyễn Thị Bích Tuyền	10.839.341	9.939.341					900.000	
40	Phan Thúy Hà	17.734.199	9.939.341				6.894.858	900.000	
41	Nguyễn Thanh Xuân	11.436.298	10.536.298					900.000	
42	Nguyễn Minh Quân	10.839.341	9.939.341					900.000	

STT	HỌ VÀ TÊN	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ						GHI CHÚ
			LƯƠNG VÀ PHỤ CẤP THEO LƯƠNG	TIỀN CÔNG LAO ĐỘNG THEO HỢP ĐỒNG	TIỀN PHỤ CẤP VÀ TRỢ CẤP KHÁC (30% không đứng lớp, NGƯT, thạc sĩ, TV, BV-PV, TH KT, TV theo NQ 22/2024/NQ-HĐND	TIỀN KHOẢN (CÔNG TÁC PHÍ, ĐIỆN THOẠI, BTCB)	TIỀN HỌC BỔNG (TRUY NÂNG BẬC LƯƠNG, HƯỞNG DẪN TẬP SỰ, truy lãnh 12.5% theo NQ22/2024/NQHĐN D )	KHÁC (TĂNG THU NHẬP QUÝ I)	
43	Nguyễn Thị Thắm	10.236.109	9.336.109					900.000	
44	Nguyễn Hữu Ái	9.791.532	8.891.532					900.000	
45	Trần Thị Hồng Đào	9.791.532	8.891.532					900.000	
46	Lâm Thanh Trúc	9.791.532	8.891.532					900.000	
47	Đoàn Thị Sen	9.791.532	8.891.532					900.000	
48	Bùi Thị Thơm	3.006.000	2.106.000					900.000	
49	Nguyễn Việt Chung	14.853.794	13.953.794					900.000	
50	Nguyễn Phạm Mỹ Hạnh	9.728.703	8.828.703					900.000	
51	Phạm Thị Quyên	9.728.703	8.828.703					900.000	
52	Bùi Trần Anh Thư	13.006.692	12.106.692					900.000	
53	Lê Thị Liên	13.944.868	13.044.868					900.000	
54	Đặng Thị Bích Trâm	9.665.874	8.765.874					900.000	
55	Nguyễn Hữu Nghĩa	9.728.703	8.828.703					900.000	
56	Đỗ Kim Anh	2.809.440	1.909.440					900.000	
57	Phan Nguyễn Ngọc Thêm	9.728.703	8.828.703					900.000	
58	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	13.090.464	12.190.464					900.000	
59	Bùi Huy Lộc	11.287.059	10.387.059					900.000	
60	Võ Thị Tố Như	7.443.342	6.543.342					900.000	
61	Trần Thanh Quyên	2.542.680	1.642.680					900.000	
62	Võ Thị Phương Linh	8.847.726	7.947.726					900.000	
63	Hoàng Thị Hoài Thương	7.443.342	6.543.342					900.000	
64	Nguyễn Thị Mỹ Hân	7.443.342	6.543.342					900.000	
65	Đàm Minh Thư	7.443.342	6.543.342					900.000	
66	Trần Thị Thủy Tiên	10.038.462	4.900.662			684.450	1.500.000	2.053.350	
67	Phạm Thị Bích Trâm	13.341.780	12.441.780					900.000	
68	Nguyễn Quang Hiền	17.881.174	16.981.174					900.000	

STT	HỌ VÀ TÊN	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ					KHÁC (TĂNG THU NHẬP QUÝ I)	GHI CHÚ
			LƯƠNG VÀ PHỤ CẤP THEO LƯƠNG	TIỀN CÔNG LAO ĐỘNG THEO HỢP ĐỒNG	TIỀN PHỤ CẤP VÀ TRỢ CẤP KHÁC (30% không đứng lớp, NGƯT, thạc sĩ, TV, BV-PV, TH KT, TV theo NQ 22/2024/NQ-HĐND	TIỀN KHOẢN (CÔNG TÁC PHÍ, ĐIỆN THOẠI, BTCB)	TIỀN HỌC BỔNG (TRUY NÂNG BẬC LƯƠNG, HƯỞNG DẪN TẬP SỰ, truy lãnh 12.5% theo NQ22/2024/NQHĐND )		
69	Phạm Minh Thành	7.443.342	6.543.342					900.000	
70	Phan Thanh Dũ	7.443.342	6.543.342					900.000	
71	Đặng Thị Thu Hiền	7.443.342	6.543.342					900.000	
72	Nguyễn Thị Ngân	8.145.342	7.245.342					900.000	
73	Trương Thị Thùy Dương	7.443.342	6.543.342					900.000	
74	Vương Nguyễn Hữu Toàn	7.443.342	6.543.342					900.000	
75	Lê Thị Hoàng Dung	7.443.342	6.543.342					900.000	
76	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	7.443.342	6.543.342					900.000	
77	Hoàng Nữ Cẩm Tú	7.443.342	6.543.342					900.000	
78	Nguyễn Duy Hoài Nam	7.443.342	6.543.342					900.000	
79	Võ Thị Nhâm	9.288.900	8.388.900					900.000	
<b>II</b>	<b>Đối với lao động hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị Định 111/2022/NĐ-CP.</b>	<b>36.865.060</b>	<b>-</b>	<b>28.665.060</b>	<b>2.800.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>5.400.000</b>	<b>-</b>
1	Trần Thị Hồng	6.293.860		4.893.860	500.000			900.000	
2	Nguyễn Văn Phước	6.161.160		4.661.160	600.000			900.000	
3	Trần Tuấn Khải	6.393.860		4.893.860	600.000			900.000	
4	Trần Ngọc Thanh	6.293.860		4.893.860	500.000			900.000	
5	Nguyễn Quốc Tuấn	5.939.200		4.439.200	600.000			900.000	
6	Phạm Thị Linh Đa	5.783.120		4.883.120				900.000	
<b>III</b>	<b>Đối với hợp đồng thực hiện chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập theo nghị định 111/2022/NĐ-CP</b>	<b>35.670.264</b>	<b>-</b>	<b>25.170.264</b>	<b>-</b>	<b>1.500.000</b>	<b>-</b>	<b>9.000.000</b>	<b>-</b>
1	Trần Thị Thu Hà	6.005.080		5.105.080				900.000	

STT	HỌ VÀ TÊN	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ					GHI CHÚ	
			LƯƠNG VÀ PHỤ CẤP THEO LƯƠNG	TIỀN CÔNG LAO ĐỘNG THEO HỢP ĐỒNG	TIỀN PHỤ CẤP VÀ TRỢ CẤP KHÁC (30% không đứng lớp, NGƯT, thạc sĩ, TV, BV-PV, TH KT, TV theo NQ 22/2024/NQ-HĐND	TIỀN KHOẢN (CÔNG TÁC PHÍ, ĐIỆN THOẠI, BTCB)	TIỀN HỌC BỔNG (TRUY NÂNG BẬC LƯƠNG, HƯỞNG DẪN TẬP SỰ, truy lãnh 12.5% theo NQ22/2024/NQHĐND )		KHÁC (TĂNG THU NHẬP QUÝ I)
2	Nguyễn Thanh Tuấn	6.005.080		5.105.080				900.000	
3	Huỳnh Ngọc Phương Thy	6.005.080		5.105.080				900.000	
4	Nguyễn Thị Thu Hiền	6.005.080		5.105.080				900.000	
5	Nguyễn Thị Minh Tâm	11.649.944		4.749.944		1.500.000		5.400.000	

Bằng chữ: Một tỷ, không trăm tám mươi bảy triệu, một trăm bảy mươi bảy ngàn, không trăm bốn mươi ba đồng chẵn.

## II. Phần thuyết minh thay đổi so với tháng trước.

Tăng : 1% thâm niên 5 giáo viên : 523.994đ, tăng lương tháng 4 : 984.980đ ,tăng khoản công tác phí, khoản điện thoại :9.000.000đ, tăng truy NBL, tăng hưởng dẫn tập sự, truy 12.5% theo nghị quyết 22/2024/NQHĐND : 29.470.908đ, tăng thu nhập quý 1/2025 : 98.100.000đ, tăng 12.5% theo nghị quyết 22/2024/NQHĐND tháng 4: 2.989.350đ,

Giảm : Lương thai sản cô Thơm : 6.785.532đ, cô Quyên : 4.900.662đ

**Người lập**

(Ký, ghi rõ họ tên)



**Đinh Thị Ngọc Quý**

**Kế toán trưởng**

(Ký, ghi rõ họ tên)



**Đinh Thị Ngọc Quý**

**Thủ trưởng đơn vị**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



**Nguyễn Anh Việt**

Ngày..... tháng..... năm 2025

**Giám đốc KBNN cấp tỉnh hoặc Lãnh đạo phòng được ủy quyền/Giám đốc KBNN quận, huyện**









